

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1002/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2020

V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương – Thư ký Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 480/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 446/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1974

Thường trú: Đường H, khu phố B, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1965

Thường trú: Đường H, khu phố B, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Phương H và ông Phan Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 30/9/1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng gia đình chồng tại phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2000, vợ chồng chuyển đến sinh sống tại phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngay từ khi bắt đầu sống chung, cuộc sống hôn nhân đã không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã, nguyên nhân xuất phát từ vấn đề tài chính và mâu thuẫn trong gia đình, ông T còn đánh bà H vì nghi ngờ bà H có quan hệ với người khác. Sau đó, bà H đã chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Trong thời gian này, vì thương con còn nhỏ nên vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn về chung sống với nhau.

Tuy nhiên, tính tình ông T vẫn không thay đổi, càng hung hãn hơn, thường xuyên đập đồ đạc trong nhà và đe dọa giết bà H. Do lo sợ cho bản thân mình và các con nên bà H đã chuyển ra ngoài sinh sống khoảng 02 tháng nay. Nay Bà H xác định quan hệ hôn nhân không còn hạnh phúc và cũng không còn tình cảm với ông T, nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Phan Tấn T, sinh ngày 12/6/1995, đã thành niên và Phan Thị Thành T, sinh ngày 02/10/2006. Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Thành T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

2. Bị đơn ông Phan Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân đúng như bà H trình bày. Tuy nhiên, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn không đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống tự lập tại phường Hiệp Bình Chánh, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Đến năm 2000, vợ chồng chuyển đến sinh sống tại phường Tam Phú, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ban đầu, cuộc sống chung hạnh phúc bình thường. Tuy nhiên, từ khoảng năm 2007 cho đến nay, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà H có thái độ không đúng với gia đình, bên cạnh đó bà H còn có mối quan hệ với người khác, giữa đôi bên có xảy ra xô xát, ông T có đánh bà H và bà H bỏ nhà đi khoảng 15 tháng. Sau đó, vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn, về sống chung lại với nhau. Cuộc sống hôn nhân hiện nay không được hạnh phúc như trước. Nay ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý ly hôn với bà Huyền để đôi bên cùng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông T và bà H có 02 con chung tên Phan Tấn T, sinh ngày 12/6/1995, đã thành niên và Phan Thị Thành T sinh ngày 02/10/2006. Ông T đồng ý giao con chung tên Phan Thị Thành T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tuy nhiên, ông T yêu cầu Tòa án không lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, yêu cầu Tòa án để đôi bên có thời gian hòa giải với nhau, hàn gắn mâu thuẫn vợ chồng.

3. Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Phương H có đơn xin vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án và xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Về quan hệ hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông T; Về con chung: Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phan Thị Thành T, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Riêng con chung tên Phan Tấn T đã thành niên; Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Ông Phan Văn T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do.

4. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

4.1 Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đồng thời, quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

4.2 Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị Phương H yêu cầu được ly hôn với ông Phan Minh Tiễn. Theo Kết quả xác minh của Công an phường Tam Phú, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị đơn ông T đang cư trú tại số 27/11, Đường H, khu phố B, phường, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì quan hệ tranh chấp là ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Nguyên đơn bà H có đơn xin được vắng mặt trong phiên tòa xét xử vụ án. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Phương H và ông Phan Minh Tiễn tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/9/1994 và được Ủy ban nhân dân phường Hiệp Bình Chánh, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 45/1994, quyền số 01. Do đó, căn cứ Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Theo Văn bản số 1152/LĐTB ngày 15/7/2020 của Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận T, Văn bản số 225/VHTT ngày 29/6/2020 của Phòng Văn hóa và Thông tin quận T, hiện bà H và ông T đang trong quá trình ly thân.

Xét thấy, trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, bà H cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T vì tình cảm vợ chồng đã không còn. Ông T yêu cầu được hàn

gắn quan hệ vợ chồng nhưng bà H không đồng ý. Hiện vợ chồng đã không còn chung sống với nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã thật sự trầm trọng, khả năng hàn gắn đoàn tụ gia đình không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

- Về con chung: Bà H và ông T có 02 con chung tên Phan Tấn T, sinh ngày 12/6/1995 (đã thành niên) và Phan Thị Thành T sinh ngày 02/10/2006.

Xét, con chung tên Phan Thị Thành T hiện đang được bà H trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Tâm có nguyện vọng được sống chung với bà H. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và cũng để ổn định cuộc sống của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Phan Thị Thành T cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung. Riêng con chung tên Phan Tấn T đã thành niên.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Do đây là tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn nên bà H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 186, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 5, Điều 6 và Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986;

- Căn cứ Điều 19, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương H.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Phương H và ông Phan Văn T.

1.2 Về con chung: Bà Nguyễn Thị Phương H và ông Phan Văn T có 02 con chung tên Phan Tấn T, sinh ngày 12/6/1995 và Phan Thị Thành T sinh ngày 02/10/2006.

Giao con chung tên Phan Thị Thành T cho bà Nguyễn Thị Phương H trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Phương H không yêu cầu ông Phan Văn T cấp dưỡng nuôi con chung tên Phan Thị Thành T.

Riêng con chung tên Phan Tấn T đã thành niên.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3 Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0057172 ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Phương H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Phương H và ông Phan Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- VKSND quận T, TPHCM;
- Chi cục THADS quận T, TPHCM;
- Đương sự;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phương Châu